



PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG
(1929-1991)

KHÁNH NGỌC
(1936-2021)

Nguyên tác bài thơ : LỆ ĐÁ XANH
(Thanh Tâm Tuyên)

Bài thơ này đã được Phạm Đình Chương, phổ thành ca khúc
Nhạc phẩm : Nửa Hồn Thương Đau

*tôi biết những người khóc lẻ loi
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
em biết không
lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi
đôi khi anh muốn tin
ngoài trời chỉ còn trời sao là đáng kể
mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em
đến ngày cuối
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời thơm phức những trái cây của thượng đế
mà bên những trái cây ngọt ngào đôi môi em
nguồn sữa mật khởi đầu
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời đầy cỏ hoa tinh khiết
mà bên cỏ hoa quyến rũ cánh tay em
vòng ân ái
đôi khi anh muốn tin
ôi những người khóc lẻ loi một mình
đau đớn lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi*

CUỘC TÌNH TAN VỠ....

Nói về biến cố trong cuộc hôn nhân của Phạm Đình Chương và vợ cũ Khánh Ngọc, biên tập Minh Đức cho biết: Phạm Đình Chương và Khánh Ngọc từng là một cặp đôi đẹp khiến nhiều người ngưỡng mộ. Phạm Đình Chương đã sáng tác nhiều bài tặng Khánh Ngọc, và cũng chính giọng hát của Khánh Ngọc lại đưa các nhạc phẩm của ông thăng hoa, đến gần hơn với công chúng.

Khánh Ngọc không chỉ là ca sĩ mà còn là diễn viên nổi tiếng. Bà mang vẻ đẹp phương Tây hiện đại, luôn nổi bật trước đám đông. Khi Phạm Đình Chương phát hiện ra chuyện tình cảm giữa vợ mình và anh rể - nhạc sĩ Phạm Duy, ông đã rất đau khổ và day dứt. Đau khổ vì là người ở giữa, bị giằng xé, phản bội trong cuộc tình của hai người thân trong gia đình. Và cuối cùng, ông chọn cách chia tay.

"Sau này trong hồi ức của những người trong cuộc, đã có người kể lại câu chuyện này. Tất nhiên mỗi người đều có cách nói để không gây tổn thương cho người bên kia, nhưng đã có người nhận lỗi vì không tránh khỏi những phút yếu lòng. Rồi mọi chuyện cũng qua đi, tuy nhiên, có lẽ tổn thương với Phạm Đình Chương thì sẽ còn mãi bởi đó là mất niềm tin, là vết thương lòng sâu sắc, khó hàn gắn", Minh Đức cho biết.

Nói về ca khúc được cho là sáng tác sau khi Phạm Đình Chương ly dị vợ, bài Nửa hồn thương đau, biên tập Minh Đức cho biết nhiều người hiểu lầm về hoàn cảnh sáng tác của ca khúc. Có người từng cho là bài hát được sáng tác khi Phạm Đình Chương gặp lại vợ cũ và ngỏ ý muốn đưa vợ về nhưng bị Khánh Ngọc từ chối. Sau đó, Phạm Đình Chương trở về nhà trong đêm mưa gió, thấy cuộc đời tuyệt vọng và định quyên sinh. Nhưng bất ngờ lúc ấy, tiếng khóc của đứa con chung hai người đã kéo ông trở lại với thực tại. Ông lấy cảm xúc đó để viết bài Nửa hồn thương đau.

Về người vợ cũ đã gây ra cho Phạm Đình Chương những vết thương lòng khó hàn gắn, biên tập Minh Đức tiết lộ hiện tại Khánh Ngọc đã ở tuổi 80, vẫn đẹp, rất thần thái và sắc sảo. Sau khi ly dị, bà sang Mỹ sống cùng người con chung của hai người là Phạm Thành.. Khánh Ngọc sau kết hôn với một luật sư và có thêm con.

Sau thời gian hơn 10 năm chìm đắm trong men rượu để quên đi cuộc hôn nhân bất hạnh, nhạc sĩ Phạm Đình Chương cũng tái hôn với một người phụ nữ tên Mỹ. "Đó là một người đàn bà đẹp và chấp nhận ở đằng sau hỗ trợ Phạm Đình Chương. Tôi luôn thán phục chị bởi chị là người đã rất can đảm đi vào cuộc đời của một người từng chùng đã đau khổ, buông xuôi hết và an ủi anh cho đến cuối cùng. Nhờ 'tái sinh' trong cuộc hôn nhân này mà sau Phạm Đình Chương tiếp tục sáng tác và có được một gia tài âm nhạc đồ sộ như sau này chúng ta thấy".



Bà Khánh Ngọc thời trẻ

KHÁNH NGỌC

(1936-2021)

Hàn Thị Lan Nam (30 tháng 12 năm 1936 – 14 tháng 5 năm 2021) nổi tiếng với nghệ danh Khánh Ngọc, là một nữ diễn viên điện ảnh, ca sĩ và kịch nghệ người Việt Nam. Bà là một trong những ngôi sao điện ảnh thuộc thế hệ đầu tiên của làng điện ảnh Sài Gòn trước năm 1975.

Khánh Ngọc tên thật là Hàn Thị Lan Nam, sinh năm 1936 tại Hà Nội, có cha người Minh Hương và mẹ người Việt. Thuở nhỏ Khánh Ngọc theo học trường người Hoa cho đến trung học thì chuyển qua học chữ Pháp. Năm 1951, bà theo gia đình vào miền Nam và học nhạc khi còn là nữ sinh với nhạc sĩ Võ Đức Thu, rồi được theo học nhạc với đôi vợ chồng nhạc sĩ Dương Thiệu Tước và ca sĩ Minh Trang nên bà bước vào làng văn nghệ từ sớm bắt đầu sự nghiệp ca hát ở Đài phát thanh Pháp Á. Bà lấy nghệ danh Khánh Ngọc, bắt đầu đi khắp ba miền biểu diễn. Theo hồi ức của ca sĩ Khánh Ngọc, ca khúc đầu tiên bà ra mắt khán giả là *Tiếng hát lênh đênh* (Tức Phác & Lương Ngọc Châu) tại rạp Nam Việt (Sài Gòn).

Năm 1952, Khánh Ngọc tham gia ban Gió Nam - ca đoàn gồm Thái Thanh, Thái Hằng, Hoài Trung, Hoài Bắc, Phạm Duy. Ban Gió Nam vốn được thành lập từ lâu ở chiến khu Việt Minh Thanh Hóa. Cả ban quyết định di cư vô Sài Gòn để tránh mọi phiền nhiễu về lý lịch, sau đó đổi hẳn thành Ban hợp ca Thăng Long.

Bà sớm vươn lên làm giọng ca chính của ban, bắt đầu đi thu đĩa và chụp hình quảng cáo. đương thời, Khánh Ngọc là cái tên được báo giới và dư luận Sài Gòn săn đón, ở các đại nhạc hội và vũ trường thì Khánh Ngọc càng là giọng ca được ưa chuộng nhất trong ban Thăng Long. Điều này là yếu tố chính đưa ban Thăng Long lên đứng đầu thị trường âm nhạc miền Nam trong thập niên 1950, thường được ví là cơn gió lạ thổi vào tân nhạc Sài Gòn bởi lối biểu diễn hoàn toàn mới và cực kì điêu luyện vào thời điểm đó.

Năm 1955, một phái đoàn điện ảnh Philippines được chính phủ Quốc gia Việt Nam mời sang thực hiện cuốn phim tuyên truyền trên màn ảnh đại vĩ tuyến *Ánh sáng miền Nam*^[4]. Khi nhà đạo diễn ngoại quốc có cơ hội xem Khánh Ngọc diễn nhạc cảnh *Được mùa* của ban Thăng Long tại rạp Việt Long, Khánh Ngọc được chọn làm nữ chính, Thái Hằng, Thái Thanh và Phạm

Duy cũng góp mặt. Vai diễn này bất ngờ đem lại cho bà giải thưởng tại Đại hội điện ảnh Manila vào năm 1956.

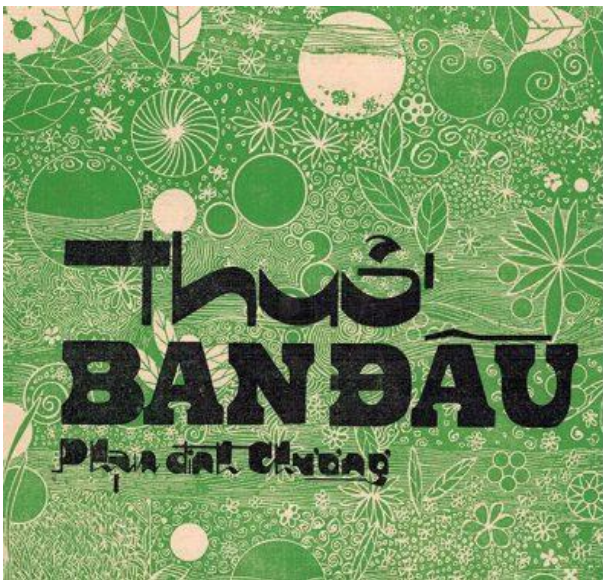
Năm 1957, bà đóng tiếp phim *Đất lành* của hãng Đông Phương Films, đạo diễn Ramon Eatells thực hiện theo kịch bản César Amigo và Phạm Duy; Khánh Ngọc có cơ hội diễn chung với Lê Quỳnh, Lê Thương và Kiều Hạnh. Tiếp đó là cuốn phim màu *Chim lồng* do nhạc sĩ Phạm Duy soạn kịch. Năm 1958 bà tham gia phim cuối cùng *Ràng buộc* của hãng Alpha Films, diễn cặp với nam tài tử Anh Tú.

Năm 1953, Khánh Ngọc kết hôn với Phạm Đình Chương và có một cậu con trai. Tuy nhiên cuộc hôn nhân không kéo dài được bao lâu thì xảy ra vụ ngoại tình giữa bà và nhạc sĩ Phạm Duy. Vụ đánh ghen giữa ca sĩ Thái Hằng (chị chồng) với ca sĩ Khánh Ngọc trở thành khẩu ngữ "ăn chè Nhà Bè" âm ỉ trên mặt báo và dư luận thời bấy giờ.

Sau khi ly dị, Khánh Ngọc sang Hoa Kỳ học điện ảnh và trau dồi thêm thanh nhạc tại trường Pasadena Playhouse College. Dù đã tạm xa quê hương, nhưng bà vẫn được báo giới săn tin từng ngày. Sau cách mạng 01 tháng 11, Khánh Ngọc ít xuất hiện trước công chúng. Sau này bà lập gia đình mới rồi mở quán ăn tại Hoa Kỳ và không theo con đường nghệ thuật.

Bà qua đời vào ngày 14 tháng 05 năm 2021 tại California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 85 tuổi.

Ca khúc “Thuở Ban Đầu” và mối tình nhạc sĩ Phạm Đình Chương – Khánh Ngọc



Trong danh sách những tình khúc nổi tiếng nhất của nhạc sĩ Phạm Đình Chương, người ta thường nhắc nhiều nhất đến những bài hát buồn được ông sáng tác vào thập niên 1960-1970 sau khi đã chia tay vợ là danh ca Khánh Ngọc, đó là *Đêm Cuối Cùng*, *Người Đi Qua Đời Tôi*, *Nửa Hồn Thương Đau*, *Định Mệnh Buồn...*

Thời gian trước đó (thập niên 1940-1950), nhạc sĩ Phạm Đình Chương thường chỉ sáng tác nhạc mang tính chất hân hoan, tươi trẻ, hoặc là hào hùng, ít khi viết tình ca, và một bài tình ca hiếm hoi của ông sáng tác trước năm 1954 là *Thuở Ban Đầu*.

Bài hát rất nhẹ nhàng êm đềm và tràn đầy tình cảm này ra đời vào năm 1953, cũng là năm nhạc sĩ Phạm Đình Chương kết hôn với người đẹp Khánh Ngọc. Đúng như tên gọi của bài hát, *Thuở Ban Đầu* mang giai điệu và ca từ trong trẻo, tươi sáng của mối tình vừa chớm nở:

*Sao không thấy em lại
Để cùng anh thần thơ*

*Trước sân trăng vời vợi
Để rồi cùng ước mơ
Sao không thấy em lại
Hàng dừa nghiêng thương nhớ
Này khúc ân tình biết đưa về đâu*

Nhạc phẩm mở đầu bằng hình ảnh chàng trai si tình trông chờ người yêu “*lại*”. “*Lại*” ở đây tức là tới nhà, hẳn là chàng trai đã mong chờ cô gái đến chơi nhà, để cùng “*anh thần thơ*” ngắm trăng, tâm tình và ước mơ. Từng câu hát nhún nhả nhẹ nhàng lột tả tâm trạng trống rỗng, bồn chồn, sốt ruột, nhớ nhung của chàng trai khi cô gái không tới.

Trong địa hạt tình yêu, những phút giây bùng nổ cảm xúc đầu tiên bao giờ cũng đẹp, cũng lung linh, lấp lánh mỗi tình đầu, là thời điểm trời dậy mạnh mẽ của những rung cảm yêu đương nồng nhiệt nhất. Đó là lúc trái tim đi trước lý trí, mọi suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của người này đều hướng về người kia. Một cái chạm tay, một cái liếc mắt cũng làm nên những rung cảm, những ngượng ngùng, bối rối. Bằng những ca từ cuốn hút, đậm chất thơ, nhạc sĩ Phạm Đình Chương đã khắc họa lại cái “*thuở ban đầu*” vô cùng đẹp để ấy rằng:

*Ôi đẹp thay là thuở ban đầu
Chìm sâu đáy mắt một màu xanh khơi
Niềm thương không nói nên lời
Chỉ nghe xao xác một trời băng khuâng
Băng khuâng lúc em cười
Kìa ngàn cây ngẩn ngơ
Sáng trắng xanh khung đời
Dặt dìu nhạc vời thơ*

Câu hát “*chìm sâu đáy mắt một màu xanh khơi*” lột tả trọn vẹn đôi mắt của những kẻ si tình. Đôi mắt yêu đương, đắm đuối với những mộng ước chất chứa trong đó nhưng lại chẳng thể nói thành lời: “*Niềm thương không nói nên lời, chỉ nghe xao xác một trời băng khuâng*”. Sự tinh tế, khéo léo của nhạc sĩ Phạm Đình Chương thể hiện rõ nét và chắc chắn trong cách lựa chọn những từ ngữ đầy hình cảm và âm thanh: *màu xanh khơi, xao xác, băng khuâng, ngẩn ngơ, dìu dặt,...*

*Nhưng không thấy em lại
Hàng thùy dương chéch bóng
Và lũ hoa thắm khéп hương chờ mong...*

Sự chờ đợi, nhớ nhung chợt biến thành nỗi thất vọng của chàng trai: “*hàng thùy dương chéch bóng và lũ hoa thắm khéп hương chờ mong*”. Ở đây cách sử dụng ca từ của nhạc sĩ cũng rất đặc biệt, nỗi sầu buồn của chàng trai khi người yêu không tới không hề bi lụy, ghen tuông, nghi hoặc mà chỉ phơn phớt chút giận hờn, ủ rũ vô cùng dễ thương.

Có thể nói, *Thuở Ban Đầu* không phải là ca khúc hay nhất, nổi tiếng nhất nhưng lại là ca khúc ngọt ngào và nhẹ nhàng nhất trong gia tài âm nhạc của nhạc sĩ Phạm Đình Chương. Có lẽ bởi, khi viết ca khúc này, ông vẫn đang là một chàng trai trẻ yêu đời, ngọt ngào, đang đắm đuối trong tình yêu và thăng hoa trong sự nghiệp, chưa từng trải qua những thăng trầm của đời sống.

Năm 1953, cuộc hôn nhân của đôi nghệ sĩ tài sắc Phạm Đình Chương – Khánh Ngọc diễn ra với sự ngưỡng mộ của bạn bè, đồng nghiệp. Khi đó nhạc sĩ Phạm Đình Chương chỉ ngoài 20 tuổi nhưng đã có nhiều sáng tác vang danh cả nước, còn Khánh Ngọc khi đó mới 16-17 tuổi có sắc nước hương trời, là một nữ ca sĩ trẻ đầy triển vọng.

Sau khi kết hôn, cả 2 người đều thăng hoa trong sự nghiệp và bước lên được những bậc thang của đỉnh cao danh vọng. Nhạc sĩ Phạm Đình Chương lần lượt cho ra đời những ca khúc

hân hoan tràn đầy niềm tin yêu cuộc sống, trở thành nhạc bắt hủ suốt gần 70 năm qua: *Ly Rượu Mừng, Đón Xuân, Mộng Dưới Hoa, Tiếng Dân Chài*, đặc biệt là trường ca *Hội Trùng Dương*. Còn Khánh Ngọc cũng không kém cạnh, trở thành nữ canh ca tài sắc, đồng thời là một minh tinh điện ảnh danh tiếng bậc nhất của thập niên 1950. Tuy nhiên chỉ 7-8 năm sau đó, cuộc hôn nhân đẹp đó đi vào những ngả rẽ đáng tiếc, dẫn đến kết cuộc thật buồn và để lại nhiều tai tiếng.

Dư chấn của thảm kịch này đã làm cho nhạc sĩ Phạm Đình Chương ngưng sáng tác một thời gian dài, để rồi khi đã nguôi ngoai và quay trở lại, ông chỉ viết nhạc buồn, rất buồn, như là *Đêm Cuối Cùng, Người Đi Qua Đời Tôi*, đặc biệt là *Nửa Hồn Thương Đau*... Trái với nhiều lời đồn đoán rằng ca khúc *Nửa Hồn Thương Đau* được nhạc sĩ Phạm Đình Chương sáng tác ngay sau khi chia tay vợ. Tuy nhiên thực tế thì ca khúc này được sáng tác năm 1970 dành riêng cho phim điện ảnh *Chân Trời Tím*, nghĩa là sau thời điểm đó đến gần 10 năm. Tuy nhiên, dù là bài hát viết cho phim, nhưng chúng ta có thể thấy được phần nào tâm trạng của tác giả trong quãng đời buồn nhất của ông:

Nhắm mắt cho tôi tìm một thoáng hương xưa

Cho tôi về đường cũ nên thơ

Cho tôi gặp người xưa ước mơ...

HÀ NỘI XƯA

NHỮNG NGƯỜI HỒN MUÔN NĂM CŨ

Nhạc sĩ Hoài Bắc Phạm Đình Chương ra đời tại Hà Nội vào năm 1929, trong một gia đình nghệ sĩ, học Trường Bưởi, tản cư vào Thanh Hóa sau Toàn Quốc Kháng Chiến chống Pháp 1945. Sáng tác nhạc trước tuổi 20, ông là tác giả những ca khúc dân tộc như *Tiếng Dân Chài, Ly Rượu Mừng, Hội Trùng Dương*, hay những sâu khúc nhạc phổ thơ như *Nửa Hồn Thương Đau, Mắt Biếc, Mộng Dưới Hoa, Người Đi Qua Đời Tôi*...

Tới Hoa Kỳ được ít năm, Phạm Đình Chương từ trần tại Quận Cam, California vào ngày 13 tháng 7 năm Tân Mùi, nhằm ngày 22 tháng 8 năm 1991. Bài dưới đây của nhà bình bút Phan Lạc Phúc, hay Ký giả Lô Răng, một bạn học của nhạc sĩ từ Trường Bưởi, được viết ngay sau khi có tin buồn.

Chuông điện thoại réo lên trong đêm khuya. Một cú phone từ bên kia Thái Bình Dương, từ Mỹ báo tin: “Phạm Đình Chương đã mất rồi, Hoài Bắc không còn nữa”. Tôi đặt phone xuống mà thấy đêm khuya thêm vắng lặng mênh mông. Ở cái tuổi mình, trên 60, cái ranh giới tử sinh thật là mờ ảo, ở đây rồi đi đấy, còn đấy mà mất đấy. Thành ra ít lâu nay, tôi cứ phải làm một con tính trừ thê thảm. Mấy năm trước mất Thanh Nam, rồi Vũ Khắc Khoan, bây giờ Phạm Đình Chương - Hoài Bắc. Già thì càng cần có bạn, mà bạn già thì càng ngày càng thưa thớt. Tôi đi cải tạo 10 năm, rồi sống nín thở trên 6 năm, vừa mới lặn ngòi ngòi nước sang được đến đây thì bạn đã đi vào tịch mịch. Bạn ta Phạm Đình Chương đã đi thật rồi, một người viết ca khúc tâm hồn của Việt Nam đã mất, ngôi sao bản mệnh của Ban Hợp Ca Thăng Long đã tắt.

Tôi chơi với Phạm Đình Chương đã lâu, vào khoảng năm 1942 - 1943, hồi tụi tôi vừa mới lớn lên. “Khi mới lớn tuổi mười lăm, mười bảy. Làm học trò mắt sáng với môi tươi” (1). Tôi biết Chương trong ngày hội học sinh Trường Bưởi, trong những buổi cắm trại ở chùa Trầm, chùa Thầy, Tây Phương Hoàng Xá (2).

Ngày ấy, chúng tôi say mê hát “Quê nhà tôi chiều khi nắng êm đềm” (3), “Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi” và Chương đã là một tay đàn giọng hát khá nổi của học sinh Hà Nội. Nhưng mà Chương có hai người anh nổi tiếng: anh Phạm Đình Sĩ, một cây “kịch” và anh Phạm Đình Viêm, một cây “tenor”. Chương còn có một người chị trứ danh, chị Thái Hằng, hoa hậu “bất thành văn” của suốt một miền Bạch Mai - Phố Huế. Còn người em út của Chương, Thái Thanh thì lúc ấy Thái Thanh còn nhỏ, đang còn học tiểu học, còn là một nụ hoa. Phải đợi đến thập niên ‘50, bông hoa Thái Thanh mới bắt đầu rực rỡ và tiếng hát Thái Thanh mới được lên ngôi.

Hà Nội ngày ấy tuy được mệnh danh là Hà Thành hoa lệ hay là Hà Nội của ba mươi sáu phố phường nhưng thực chất nó là tỉnh nhỏ - người ta biết nhau cả, trực tiếp hay gián tiếp. Và tỉnh nhỏ nó còn có tục lệ riêng của nó. Thế hệ tiền bối ở Hà Nội có tiêu chuẩn “phì cao đẳng bất thành phu phụ”. Thời tụi tôi thì cái standard về một đấng trượng phu nó nôm na và thực tiễn hơn: “Đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu”. Phạm Đình Chương xét ra hội đủ những điều kiện ấy: Học trò Trường Bưởi, người cao ráo sạch sẽ lại là cậu út trong một gia đình nổi tiếng. Lại còn đàn ngọt, hát hay, còn là ca trưởng của học sinh trong những dịp hội hè, cắm trại. Trong con mắt tôi, một anh học trò nhà quê ra tỉnh học, từ thời áo dài mũ trắng thì Phạm Đình Chương tư cách quá.

Thời ấy, Nhật đã vào Đông Dương. Thế Chiến thứ hai đang hồi quyết liệt, bom Mỹ dội xuống đùng đùng. Các thành phố phải “phòng thủ thụ động”, các trường học phải đi xa hoặc dời về miền quê. Đang học mà có còi báo động là nghỉ; học trò kéo nhau ra các khu cây cối um tùm, hoặc bờ đầm, bờ sông tạm lánh. Đây là dịp tốt cho một số công tử Hà Nội, trong đó có Chương, về thăm quê cho biết sự tình. Về quê thì tiện cho tôi quá, tôi có nhiều trò: lội sông, câu cá, bắn chim. Hoặc là sẵn xe đạp, tụi tôi rủ nhau đi cắm trại ở những thắng cảnh gần Hà Nội như chùa Thầy, chùa Tây Phương, động Hoàng Xá. Những thắng cảnh này đều nằm trong vùng quê tôi (phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây) nên tôi thuộc nằm lòng. Đến chùa Tây Phương thăm ông Phật nhịn ăn mà mặc, ông nhịn mặc mà ăn, ông Phật tai dài đến gối. Đến động Hoàng Xá tôi biết nhũ đá nào kêu thanh, nhũ đá nào kêu đục, bắn một phát súng cao su lên vòm đá là dơi bay tán loạn một vùng. Đến chùa Thầy (Sài Sơn) thăm chùa Cả dưới chân, chợ Trời trên đỉnh núi rồi thăm hang Cốc Cớ nơi có dấu chân ông Từ Đạo Hạnh còn in. “Hội chùa Thầy vui thay Cốc Cớ, Trai không vợ nhớ hội chùa Thầy - Gái không chồng nhớ ngày mà đi”. Chương ơi, Chương còn nhớ ngày hội về quê mình không? Còn nhớ con đề Hạ Hiệp không? Mới đó mà đã 50 năm rồi, đã nửa thế kỷ qua rồi. Chương có nhớ cũng không thể nào về thăm được nữa. Bạn ta đã thành người thiên cổ mất rồi.

Phạm Đình Chương rất yêu miền Quốc Oai - Sơn Tây vì không những nó là một miền thắng tích mà nơi đó còn là quê ngoại của Chương. Bà thân của Chương ở Hạ Hiệp, cách làng tôi chừng hai vạt cánh đồng. Chương tự nhận mình là người Sơn Tây và trong những năm đó Chương về thăm quê ngoại rất thường. Anh công tử Hà Nội và anh học trò nhà quê càng có dịp gần gũi nhau hơn. Khi mùa Xuân đã cận ngày, hội hè đã vắng, những cây gạo miền Bương Cẩn đã từng bùng nở đỏ thì cũng là lúc chim tu hú lảnh lót gọi hè về trong rặng vải bên sông. “Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc”, con sông này ngoài mùa ngâu nước lũ, còn quanh năm nước chảy lặng lẽ. Học trò tụi tôi lại đạp xe qua sông về rặng vải, vừa tránh bom rơi đạn lạc ở thành phố, vừa cắm trại vừa ôn thi.

Nhưng đến năm 1945, thanh niên như Chương và tôi không còn đầu óc nào mà học hành thi cử nữa. Bao nhiêu vấn đề trọng đại vừa ập đến trong đời: hàng vạn, hàng triệu người chết đói. Nhật đảo chính Pháp ngày 9 tháng 3. Chính phủ Việt Nam đầu tiên ra đời. Thế chiến II kết liễu Đức - Ý - Nhật đầu hàng. Quân Tàu Tưởng kéo sang Chiến Khu Việt Minh. Đòi đời. Cách Mạng Tháng 8 Quân đội Pháp trở về, thanh niên đua nhau đi dạy bình dân học vụ, đi khát thực, đi biểu tình. Chúng tôi say mê hát “Lên Đường”, lao đầu vào một cuộc chơi mới không kém phần lãng mạn: đòi độc lập cho đất nước. Chúng tôi là Tự vệ Thành Hà Nội. Chúng tôi là Trung đoàn thủ đô. Như lớp lớp thanh niên cùng lứa, Phạm Đình Chương và tôi khoác ba lô lên đường kháng chiến.

Tây tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.

(Quang Dũng)

Những năm đầu kháng chiến (1948, 1949, 1950) có những thị trấn mọc lên vội vã. Khu 10 Việt Bắc có thị trấn Cây Đa Nước Chày; liên khu 3 có Đồng Quan, Cống Thần, Chợ Đại; vào khu 4 Thanh Hóa có chợ Rừng Thông. Đây là nơi dân tản cư tứ xứ kéo về sinh hoạt, đổi trao, mua

bán tạo thành những Hà Nội nhỏ. Mấy anh lính cậu ngày nào bây giờ sốt rét, xanh rớt như tàu lá, mắt trợn trừng, tóc rụng nhưng đêm đêm vẫn cứ mơ về Hà Nội. Và được dịp là phải về thăm các thị trấn mới này cho đỡ nhớ...

Đầu mùa đông năm 1948, tôi khoác ba lô, đổ bộ lên Chợ Đại tìm ít thuốc nivaquine chống sốt rét. Trời mưa nhộp nháp, những căn nhà tranh lụp sụp kéo dài. Chợt ở đầu đường, hiện ra một quán nước thanh bai, lịch sự mang một cái tên khá là kiểu cách “Quán Thăng Long”. Ở trên vách quán, có treo song song mấy cây đàn nguyệt và một cây thập lục. Ở dưới, bên khay trà tỏa khói có hai vị trưởng thượng đang ngồi đối ẩm. Hai vị này tôi biết: ông thân của Phạm Đình Chương và cụ N. T. Đức, một danh cầm của toàn miền Bắc. Loạn ly, binh lửa mà hai vị tri âm, tri kỷ vẫn nhàn nhã phong lưu. Chiến tranh ở chỗ nào khác chứ ở đây Thăng Long Đông Đô, Hà Nội là vẫn cứ phải đường hoàng, cốt cách. Cốt cách như chị Thái Hằng đang ngồi trước quầy hàng, đi tản cư mà vẫn mang nguyên chiếc kiềng chạm bằng bạc của một thời khuê các, như Thái Thanh cô em nhỏ mới bắt đầu thiếu nữ đang nghiêm chỉnh ngồi đàn. Người vui nhất khi tôi được gặp là bà thân của Chương. Bà hỏi thăm “quê mình bây giờ Tây nó đánh đến đâu rồi”. Bà cho biết anh Phạm Đình Sĩ có lẽ kẹt, chưa có tin tức gì. Anh Phạm Đình Viêm (Hoài Trung) còn đang đi ban kịch Giải Phóng, chuyên hát bài “con voi con voi” và “con mèo treo cây cau” nhạc hài hước của Nguyễn Xuân Khoát. Còn Phạm Đình Chương thì công tác ở liên khu 3, chuyên về sáng tác ca khúc. Bà khoe là Chương vừa mới được giải thưởng về bài hát “gì mà có con cò bay là bay là”.

À ra thế bạn ta anh công tử Hà Nội đang đưa ca dao vào nhạc mới. Chương, Chương, có phải cánh cò ấy là cánh cò bay qua rừng vài triền sông Đáy? Còn cánh đồng nào rào rạt lúa thơm mềm (6) có phải là cánh đồng Bương Cấn khi chúng ta “Lên núi Sài Sơn ngóng lúa vàng” (7). Tôi nhớ mãi lời bà thân của Chương khi đưa cho tôi gói thuốc đựng chừng 10 viên nivaquine: “Giữ lấy mà dùng. Dạng các cậu không được phát thuốc này đâu”. Đúng như thế, dạng “tạch, tạch, sè” (tiểu tư sản) như Chương và tôi thì dù sốt rét vàng người, rụng tóc cũng chỉ được phát thuốc ký ninh pha loãng là cùng. Nivaquine thuốc mới, công hiệu, đắt tiền chỉ đủ dùng cho “tổ chức” mà thôi. Thực tế nó là như vậy nên ngoài một số anh em đã “áo bào thay chiếu ...” (còn đa số dân tạch tạch sè là kẻ trước người sau “dinh tề” về Hà Nội. Những va chạm với thực tế làm cho giấc mơ tuổi trẻ lụi tàn, cuộc chơi lãng mạn đầu đời đã trở thành một nỗi đam mê vô ích. Tôi về cuối năm 49 còn Chương và gia đình hồi cư năm 51.

Gia đình Chương kỳ này có thêm một nhân vật lừng danh: Phạm Duy. Năm 1949, chiến tranh lan đến vùng chợ Đại và quán Thăng Long phải dời vào khu 4, vùng trấn nhậm của viên tướng Mạnh Thường Quân Nguyễn Sơn. Ở đây Thái Hằng đã trở thành bà Phạm Duy, Thái Thanh vừa lớn để bước chân vào làng ca nhạc. Cả gia đình Chương phục vụ trong phòng văn nghệ của một đại đoàn. Quán Thăng Long không còn nữa nhưng tiền thân của ban Hợp Ca Thăng Long đã được định hình. Tôi cũng không còn nhớ rõ gia đình Phạm Đình Chương về trước hay sau cái chết của viên tướng đầy huyền thoại Nguyễn Sơn. Chỉ biết là ban Thăng Long vào thành nhưng không ở lại Hà Nội mà vô thắng miền Nam lập nghiệp.

Năm 1952 tôi cũng vào Nam, học nghề lính tại trường Thủ Đức. Những ngày cuối tuần ra Sài Gòn chơi, thấy đâu đường góc phố chỗ nào cũng có biểu ngữ, bích chương, quảng cáo ban Hợp ca Thăng Long. Báo hàng tuần, hằng ngày đều đăng hình ảnh, lịch trình diễn của Thái Thanh, Thái Hằng, Hoài Trung, Hoài Bắc, Phạm Duy. Ban Hợp Ca Thăng Long đang rực sáng, những thành viên của nó đang được mến yêu. Người Sài Gòn vốn bộc trực “yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét” mà đã yêu thì yêu hết mình; chương trình của Ban Thăng Long trên đài phát thanh rất được lắng nghe - trình diễn của Ban Thăng Long lại càng ăn khách. Người ta mua “giấy” báo xem thật đông, vỗ tay thật nhiều nhưng còn chưa “đã”. Buổi trình diễn xong rồi, người ái mộ còn ở lại để tìm cách đến thật gần, nhìn thật kỹ hay nếu có thể bắt cái tay, đụng cái chân vào nghệ sĩ, tài tử thần tượng của mình. Người miền Nam ái mộ ồn ào như thế, dễ thương như thế.

Trước sự tán thưởng nồng nhiệt ấy tôi có lúc đã tự hỏi: “Vì sao mà trong một thời gian chưa đầy hai năm, Ban Hợp Ca Thăng Long lại lấy lòng đến vậy?” Tôi vốn dốt về nhạc lý, thẩm âm cũng tầm thường thôi nên không dám đưa ra ý kiến có tính cách kỹ thuật nào. Bằng vào cái

cảm quan dân dã của mình tôi nhận thấy thực chất của Ban Hợp Ca Thăng Long nằm trong một chữ vui. Vui rộn ràng khi nghe tiếng hát chen tiếng ngựa hí (Ngựa Phi Đường Xa), vui lâng lâng khi nhìn cánh cò bay lá bay la trên đồng lúa chín vàng (Được Mùa), vui đầm ấm khi nghe tiếng hò dô vang trên sóng nước (Tiếng Dân Chài), vui thâm thía ghen ngào khi người mẹ già cảm ly rượu uống mừng người con cả vừa mới trở về (Ly Rượu Mừng). Cái vui của nhiều cung bậc, cái vui đã được cách điệu, nên nó dễ dàng thấm đượm lòng người.

Đồng bào miền Nam xưa nay thừa thãi điệu buồn nên trong cái vô thức tập thể nó thiếu một niềm vui khỏe mạnh. Ban Hợp Ca Thăng Long phần nào đã đáp ứng được niềm khao khát đó. Ấy là chưa kể đến một yếu tố đầy cảm tính rất phù hợp với miền Nam: tất cả thành viên ban hợp ca đều là anh em trong một nhà. Một gia đình tài hoa quá. Một sự kết hợp đẹp đẽ quá. Nhất là sau đó ít lâu, ban hợp ca Thăng Long lại có thêm một thành viên mới: Khánh Ngọc, một bông hoa hương sắc của miền Nam, Hoài Bắc - Khánh Ngọc một lứa đôi nghệ thuật. Ban Hợp Ca Thăng Long càng thêm sung sức.

Nhưng phải đợi đến đầu năm 1954, Ban Hợp Ca Thăng Long mới lên đỉnh cao thành tựu của mình. Năm ấy ban Hợp ca cùng với “quái kiệt” Trần Văn Trạch, thành lập ban Gió Nam ra công diễn ở Hà Nội. Lúc ấy tôi đang là thương binh nằm nhà thương Võ Tánh. Nghe báo chí Hà Nội tán thưởng Nam Phong chi huân hê - Ngọn gió Nam mát lành thay. Nghe dân chúng Hà Nội xôn xao hâm mộ quá, tôi sốt ruột phải trốn nhà thương một buổi ra xem Gió Nam trình diễn. Nhưng mà ra chậm hết vé mất rồi. Nhà Hát Lớn Hà Nội không còn chỗ. Tôi lững thững đứng ngoài nghe tiếng vỗ tay dồn dập từng hồi như sấm mà ruột nóng như lửa đốt. May quá gặp Ngọc Chả Cá một cây công tử Càn Long Hà Nội tôi mới được vào (bây giờ bạn ở đâu hờ Ngọc?).

Người Hà Nội xưa nay khụng khiêng ít khi nào nồng nhiệt thế đâu. Nhưng mà lần này, người Hà Nội bị ban Hợp ca Thăng Long chinh phục hoàn toàn. Trước đó tân nhạc ở Hà Nội chỉ là một bà con nghèo trước cải lương, tuồng kịch... chỉ đảm nhiệm được vai trò phụ diễn trước khi mở màn hoặc giữa hai lớp kịch mà thôi. Bây giờ Ban Hợp ca Thăng Long với một chuỗi ngôi sao nhạc mới đã chiếm lĩnh sân khấu suốt hai tiếng đồng hồ liên tục. Khán giả Hà Nội được thưởng thức một chương trình nhạc mới tân kỳ sinh động tràn đầy dân tộc tính. Đây là một bước trưởng thành của tân nhạc và trở nên khuôn mẫu cho những đại nhạc hội sau này. Buổi trình diễn vừa kết thúc, toàn ban Gió Nam ra chào khán giả. Đèn rực sáng. Những bó hoa trao cho những nghệ sĩ tài năng. Hoài Bắc Phạm Đình Chương giơ cao bó hoa vẫy vẫy, nụ cười rộng mở. Chương không thể nào biết rằng trong số khán giả vô danh ấy, có một người bạn cũ của Chương đang vỗ tay kịch liệt.

Thập niên 50 là thời kỳ rực rỡ nhất của ban Hợp ca Thăng Long. Thời gian này cũng là lúc Phạm Đình Chương sáng tác đều đặn nhất. Những bài ca chủ lực của ban Hợp ca Thăng Long như Tiếng Dân Chài, Hội Trùng Dương, Ly Rượu Mừng... đều xuất hiện trong giai đoạn này. Không biết tôi có chủ quan không khi nghĩ rằng Phạm Đình Chương trong giai đoạn này vẫn mang dáng vẻ một anh học trò mới lớn, tâm hồn trong sáng như gương, con người, thiên nhiên đều là bè bạn. Ngựa phi đường xa thế nào cũng tới, leo núi mệp nhọc rồi cũng đến nơi, đồng ruộng thì đầy lúa thơm mềm, con sông thì đầy trắng và đầy cá. Thế vẫn còn chưa hết, Chương còn rót một ly rượu mừng, mừng khắp nhân gian. Hãy lắng nghe đi, có một nụ cười đâu đó, khi nhẹ nhàng phảng phất, khi trào lên như tiếng reo vui. Cũng có lúc Phạm Đình Chương nhắc đến điệu buồn; giọt lệ rưng rưng chờ mong bóng con của người mẹ già hay nỗi khổ của đồng bào miền đất cày lên sỏi đá:

*Quê hương tôi nghèo lắm ai ơi
Mùa đông thiếu áo ...*

Nhưng liều lượng của điệu buồn trong nhạc Phạm Đình Chương thời kỳ này rất ít so với niềm vui ào ạt, chỉ như một đối điểm (contrepont), chỉ như màu đen làm nổi lên sắc trắng mà thôi. Mà điệu buồn cũng được nhắc đến bằng tấm lòng nhân ái, tâm hồn Chương là vậy, mở ra, hướng ngoại, trong sáng vui tươi. Chương không phải là người hướng nội, đi tìm thú đau

thương trong những kiểm tra, tự vấn nơi mình. Đó là thực chất nhạc Phạm Đình Chương thời kỳ đầu cũng là đặc điểm của Ban Hợp ca Thăng Long...

Giai đoạn sáng tác thứ hai của Phạm Đình Chương bắt đầu từ một kỷ niệm buồn: Ngày Khánh Ngọc rời xa vào khoảng cuối thập niên '50. Sau đó Phạm Duy, Thái Hằng cũng tìm về hướng khác. Ngôi biệt thự ẩm cúng đường Bà Huyện Thanh Quan không người ở. Hoài Bắc, Thái Thanh và gia đình dọn về một căn nhà nhỏ đường Võ Tánh (Frères Louis cũ). Chính tại ngôi nhà này tôi thường đến bầu bạn với Phạm Đình Chương cùng với Thanh Nam, Mai Thảo. Tại tôi đến “hầu bài” bà thân của Chương để được ăn những bữa cơm nhớ mãi: canh cua rau đay, cà pháo, đậu rán...

Lúc này, hình như Chương muốn ra khỏi vùng hào quang chói của một ca sĩ thời danh để được sống bình thường nếu không muốn nói là ẩn dật. Đang ăn diện kiểu cách, Chương ăn vận xuề xòa, đi dép không quai lệt xệt, chiếc xe hơi dài thông Studebaker đã được bán đi. Nụ cười kiểu jeune premier đã tắt và đặc biệt Chương để một hàm râu mép chàm rậm, rậm rịt. Lúc này, tại tôi có một tên mới để gọi Chương: Râu Kẽm. Râu Kẽm đang phóng túng hình hài, ít ăn ít nói hẳn đi, mà có nói cũng thường hừ một tiếng giọng mũi. Một nhát chém hư vô đã làm thay đổi Phạm Đình Chương.

Ban Hợp ca Thăng Long, với sự phân liệt như thế tưởng đã rã đám. Nhưng đầu những năm '60, ban Thăng Long gượng dậy với Hoài Trung - Hoài Bắc - Thái Thanh. Ban Thăng Long sống lại kỳ này, tuy vẫn được tán thưởng nhưng đó chỉ là cái bóng của chính mình. Phạm Duy đã mang nguồn âm sắc lung linh và trầm lắng của dân tộc đi xa, còn tiếng reo vui chan hòa và nhân ái của Phạm Đình Chương cũng không còn xuất hiện. Trong thời kỳ này ban Hợp ca Thăng Long có trình làng một tác phẩm rất được hoan nghênh: Bài Ô Mê Ly. Nhưng bài hát vui tươi này không phải của Chương mà của một tài danh khác: Văn Phụng.

Thời kỳ hướng ngoại, tâm hồn sáng tác rõ như gương, tha nhân và ngoại giới đều là bè bạn của Chương đã khép lại rồi. Tiếng cười đã tắt. Thời kỳ này là của đau thương và tiếng khóc. Nhưng khóc than rên rĩ không phải là nghề của chàng. Như đã nói, Chương không phải là người hướng nội, gặm nhấm đau thương làm thứ giải sầu. Nỗi đau thì có sẵn và Chương muốn giữ một mình nhưng lời oán hận thì không. Cho nên những khúc bi ca sau này như Nửa Hồn Thương Đau, Người Đi Qua Đời Tôi, Mưa Sài Gòn Mưa Hà Nội, Chương đều mượn lời của Thanh Tâm Tuyên, Trần Dạ Từ, Hoàng Anh Tuấn... Chương làm công việc phổ thơ, qua lời của người để phần nào nói lên tâm sự của mình. Những ca khúc này có vị trí riêng của nó, rất được yêu thích qua giọng hát Thái Thanh, nhưng đối với Chương nó vẫn như một sự “chẳng đáng dừng”. Về bề ngoài, hai giai đoạn sáng tác của Chương có vẻ đối nghịch nhau nhưng nhìn chung nó vẫn thống nhất trong tâm hồn nhân ái của tác giả.

Nói cho ngay từ thập niên '60 trở đi, việc ca hát đối với Chương cũng là một sự “chẳng đáng dừng”. Thì cũng phải có công ăn việc làm như người ta, ngay cả việc trông coi phòng trà ca nhạc “Đêm Màu Hồng” Chương cũng làm chơi chơi, cho có. Nhưng chính cái vẻ chơi chơi, phóng khoáng ấy nó lại hợp với khung cảnh Đêm Màu Hồng. Đây là một phòng trà gợi nhớ. Nhớ về những bài hát xa xưa, về một thuở mộng mơ đã tắt, về một khung cảnh Việt Nam đã xa, về một ban Hợp ca Thăng Long đã tàn. Phạm Đình Chương đi từ bàn này sang bàn khác cùng ly cùng người mộ điệu hoặc lên sân khấu giới thiệu một bài hát vừa được yêu cầu. Cái giọng có mang hơi rượu cùng với nụ cười nhếch mép đã tạo nên không khí Đêm Màu Hồng vì phần lớn khách đến đây đều là thân hữu.

Chúng tôi, những buổi phùng trường tác hí là vào khoảng 9, 10 giờ đêm lại tà tà kéo đến Đêm Màu Hồng. Bạn bè có chỗ ngồi riêng, giá biểu riêng. Khẩu vị như thế nào thì chủ quán biết rồi. Vũ Khắc Khoan thì phải Con Thuyền Không Bến, lúc nào cao hứng lại còn phi lên sân khấu mà ngâm “Hồ Trường, Hồ trường ta biết rót về đâu”. Thanh Tâm Tuyên thì phải Mộng Dưới Hoa. Thanh Nam thì Cô Láng Giềng. Hôm nào có mặt tôi, Thái Thanh lại hỏi: Biệt Ly hay Buồn Tàn Thu đây ông? Có bữa Râu Kẽm cảm khái quá liền ôm đàn guitare mà hát một mình (ít khi lắm). Hát tiếng Tây “Un jour si tu m'abandonnes” (Ngày nào, nếu em bỏ ta). Có khi vui anh vui em, Chương bỏ luôn phòng trà cùng Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo kéo lên “Quang Minh Đình”.

Trong những năm “Đêm Màu Hồng” tôi thường cố giữ một nền nếp. Cứ đêm 30 Tết gần Giao Thừa là tôi kiếm một bó hoa thường là hoa hồng đến Đêm Màu Hồng tặng Thái Thanh. Cô em nhỏ ngày nào đi kháng chiến bây giờ trở thành tiếng hát vượt thời gian. Có lần tôi nhận được cặp bánh chưng của bà thân Chương và Thái Thanh gửi cho. Tôi cầm cặp bánh mà tưởng như vừa nhận món quà Tết từ quê hương phủ Quốc gửi vào.

Những lúc ấy, năm mới sắp sang, năm cũ sắp hết mà tôi vẫn thấy Hoài Bắc, Mai Thảo ngồi từ từ uống rượu, uống cho say, uống cho quên, uống không mệt mỏi. Tôi chợt nhớ một câu của Mai Thảo “Chúng tôi thân với nhau trong một tình thân thiết rất buồn rầu”.

Buổi cuối cùng tôi gặp Phạm Đình Chương đầu vào khoảng tháng 5 năm 1975 khi “đứt phim” được chừng hơn 1 tháng. Gặp nhau tại nhà Thanh Tâm Tuyền bên Gia Định có cả Mai Thảo nữa. Mai Thảo mang thêm một chai rượu vang còn sót lại. Các bạn có ý tiễn đưa tôi và Thanh Tâm Tuyền sắp sửa đi cải tạo. Bữa rượu im ắng thê lương.

Rồi Chương và tôi đạp xe ra về trước. Đạp toát mồ hôi đến quảng Trần Quốc Toàn thì mỗi đứa mỗi đường. Chương ngừng lại và tôi cũng ngừng theo. Chương nắm lấy tay tôi về bụi ngùi mà nói: “đi nhé”. Tụi tôi xưa nay ít có cái trò nắm tay, nắm chân như vậy, nhìn nhau một cái là đủ rồi. Chừng như Chương thương cảm cho số phận tôi trước việc đi cải tạo, một chuyến đi không biết bao giờ về. Nhưng bây giờ, 16 năm sau, tôi đã đi cải tạo về rồi, Chương lại làm một chuyến đi không bao giờ trở lại. Đi nhé! Ngàn năm vĩnh biệt Phạm Đình Chương.

Phan Lạc Phúc

Nhạc sĩ phổ thơ mang tính thiên tài

Nói đến nhạc sĩ Phạm Đình Chương là nói đến những nhạc phẩm tình ca lãng mạn được sáng tác từ thời tiền chiến cho đến bây giờ. Đa số nhạc phẩm do ông sáng tác được phổ từ thơ.

Nhạc sĩ Phạm Đình Chương là một tên tuổi lớn của nền âm nhạc Việt Nam. Nếu phải so sánh giữa Phạm Đình Chương với Phạm Duy, có lẽ cả hai đều “kẻ tám lạng người nửa cân”, chỉ có điều Phạm Đình Chương không sáng tác nhạc đủ thể loại và theo kiểu “thị trường” như “Sức Mấy Mà Buồn”, “Bỏ Qua Đi Tăm” hay nhạc Việt hóa v.v... mà Phạm Duy có sở trường. Phạm Đình Chương chỉ có một con đường để đi, là chọn con đường vì văn học nghệ thuật.

Chúng ta thử điểm qua những sáng tác tiêu biểu của Phạm Đình Chương từ trước đến nay :

– Hội trùng dương, Ly rượu mừng, Tiếng dân chài, Anh đi chiến dịch, Bên trời phiêu lãng, Đất lành, Đêm cuối cùng, Đến trường, Định mệnh buồn, Đón xuân, Ra đi khi trời vừa sáng (viết với Phạm Duy), Đợi chờ (viết với Nhật Bằng), Được mùa, Hò leo núi, Khi cuộc tình đã chết, Khúc giao duyên, Kiếp Cuội già, Lá thư mùa xuân, Lá thư người chiến sĩ, Mỗi độ xuân về, Mười thương, Nhớ bạn tri âm, Sáng rừng, Ta ở trời tây, Thăng Cuội, Thuở ban đầu, Trăng mừng Luông, Trăng rừng, Xóm đêm, Xuân tha hương...

Nhạc phổ thơ có những ca khúc như :

Buồn đêm mưa (thơ Huy Cận)

Cho một thành phố mất tên (thơ Hoàng Ngọc Ẩn)

Nửa hồn thương đau, Bài ngợi ca tình yêu, Dạ tâm khúc , Đêm màu hồng (thơ Thanh Tâm Tuyền),

Đêm nhớ trăng Sài Gòn, Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển, Quê hương là người đó (thơ Du Tử Lê)

Đôi mắt người Sơn Tây (thơ Quang Dũng)

Hạt bụi nào bay qua (thơ Thái Tú Hạp)

Heo may tình cũ (thơ Cao Tiêu)

Mất buồn (thơ Lưu Trọng Lư, tặng Lệ Thu)

Màu kỷ niệm (thơ Nguyễn Sa)

Mộng dưới hoa (thơ Đình Hùng)

Mưa Sài Gòn, mưa Hà Nội (thơ Hoàng Anh Tuấn)

Người đi qua đời tôi (thơ Trần Dạ Từ)...

và còn rất nhiều nhạc phẩm khác v.v...

Có thể nói Phạm Đình Chương là một trong những nhạc sĩ phổ thơ hay nhất. Nhiều bản nhạc phổ thơ của ông đã trở thành những bài hát bất hủ, có một sức sống riêng như *Đôi mắt người Sơn Tây* (thơ Quang Dũng), *Mộng dưới hoa* (thơ Đinh Hùng), *Nửa hồn thương đau* (thơ Thanh Tâm Tuyền), *Đêm nhớ trăng Sài Gòn* (thơ Du Tử Lê)...

Ông cũng đóng góp cho nền tân nhạc Việt với một bản trường ca bất hủ mang tựa “Hội trùng dương” viết về ba con sông nước Việt là sông Hồng, sông Hương và sông Cửu Long.

Sau 1975 nhạc sĩ Phạm Đình Chương định cư tại California, Hoa Kỳ, và mất vào ngày 22/8/1991.

Mời anh chị và các bạn thưởng thức:

CLIP HỢP CA “TIẾNG DÂN CHÀI”

<https://youtu.be/ka77L0q1UuI>

"TRƯỜNG CA HỘI TRÙNG DƯƠNG Vietnamese American Philharmonic Orchestra

<https://youtu.be/AF0XmExi2LU>

Phạm Đình Chương, tài năng âm nhạc lớn



Từ trái qua: Hoài Bắc Phạm Đình Chương, Thái Thanh, Hoài Trung.

Một trong những phát hiện quan trọng nhất của loài người, về phương diện nhân chủng học, là phát hiện về yếu tố di truyền (danh từ khoa học gọi là “genetics.”)

“Genetics” không chỉ giải mã cho chúng ta, sự truyền giống, bệnh hoạn mà còn giải thích được phần nào về những thiên tài của nhân loại. Nhất là trong lãnh vực nghệ thuật, văn học.

Trường hợp Hoài Bắc/Phạm Đình Chương nói riêng, các anh, chị, em của ông nói chung, là điển hình cụ thể cho những yếu tố di truyền vừa kể.

Là con trai út của cụ ông Phạm Đình Phụng và người vợ thứ hai, cụ bà Đinh Thị Ngọ, nhạc sĩ Hoài Bắc/Phạm Đình Chương sinh ngày 14 tháng 11 năm 1929 tại Bạch Mai, Hà Nội. (1) Cụ ông

vốn nổi tiếng hào hoa với nhiều ngón đàn. Trong khi cụ bà lại là người có giọng hát và, tài ngâm thơ.

Theo phần tiểu sử chi tiết nơi trang đầu của tập nhạc “Mười bài ngợi ca tình yêu,” tuyển tập nhạc Phạm Đình Chương, xuất bản ở Saigon đầu thập niên (19)70 thì, họ Phạm được học nhạc rất sớm. Khi ông mới 13 tuổi. Năm năm sau, ở tuổi 18, ông đã sáng tác nhạc. Ông nổi tiếng ngay, với sáng tác đầu tay: Ca khúc “Ra đi khi trời vừa sáng.”

Sau đó, ca khúc “Được Mùa” của họ Phạm cũng đã được trao một giải thưởng âm nhạc lớn, khi ông chưa bước vào tuổi 19.

Phải đặt người trẻ tuổi mang tên Phạm Đình Chương vào những năm giữa thập niên (19)40, khi nền tân nhạc của chúng ta bị chiếm lĩnh bởi các tên tuổi rực rỡ như Nguyễn Xuân Khoát, Dương Thiệu Tước, Văn Cao, Hoàng Quý, Tô Vũ, Nguyễn Văn Tý, Đoàn Chuẩn & Từ Linh, v.v... với những tình khúc lãng mạn, như những đỉnh điểm chói gắt nhất của ngọn triều hâm mộ, ta mới cảm nhận được hết, tài năng, bản lĩnh của họ Phạm, khi ông đánh ra đường kiếm khác.

Đó là một Phạm Đình Chương trẻ trung, phơi phới với những ca khúc rộn rã, vui tươi. Lấp lánh tiếng cười. Ông ả hy vọng. Một Phạm Đình Chương thiếu niên, tự tách lìa mình khỏi những tầng cây rậm rạp. Ông toàn thành cho mình, ngay tự bước khởi hành thứ nhất, một lộ trình riêng, lẻ.

Theo tôi, ý thức mở đường, đi một mình, với chiếc bóng (đôi khi điều hiu, lẻ bạn) của họ Phạm, đã là định mệnh khơi nguồn, xuyên suốt cuộc đời người nhạc sĩ tài danh này.

Nhìn lại quá trình sáng tác của nhạc sĩ Phạm Đình Chương từ ngày ông được sinh ra, tới ngày từ trần (22 tháng 8 năm 1991, tại miền Nam California, Hoa Kỳ), với khoảng trên sáu mươi ca khúc, đủ loại, như những viên kim cương âm nhạc, bất hoại; hầu hết đã được thời gian thực chứng; người ta mới thấy rõ hơn, chiều kích lớn lao đường nào của ông.

Nếu tính phần trăm số lượng ca khúc trở thành bất tử của ông, từ sáng tác đầu tay, tới sáng tác sau cùng, tỷ lệ đó, không dưới tám mươi phần trăm tổng số sáng tác.

Để đối chiếu, chúng ta có thể liên tưởng tới một số nhạc sĩ cùng thời với ông - Những người có số lượng sáng tác nhiều hơn ông. Con số có thể lên tới vài trăm, thậm chí cả ngàn. Nhưng tỷ lệ ca khúc vượt được ngưỡng cửa giai đoạn, một thời, thường chỉ ở mức ba, bốn mươi phần trăm mà thôi.



Ban Hợp Ca Thăng Long

Sự lớn lao hay tính cách “ngoại khổ” của tài năng Hoài Bắc/Phạm Đình Chương, theo tôi, cũng không giới hạn trong lãnh vực sáng tác ca khúc. Ông còn là người có công đầu trong nỗ lực dẫn dắt nghệ thuật ca diễn của nền tân nhạc Việt, từ sông lạch đơn ca, chảy ra đại dương hợp ca nhiều giọng. Đó là sự thành công lớn lao, vang dội của ban Hợp Ca Thăng Long.

Ở lãnh vực này, ban Hợp Ca Thăng Long, do Hoài Bắc/Phạm Đình Chương điều hợp, còn là một mở đường tốt đẹp cho những tam ca, tứ ca, ngũ ca... sau đó nữa.

Nhiều người vẫn nhớ, trước linh cữu cố nhạc sĩ Hoài Bắc/Phạm Đình Chương, tại một tang môn quán ở thành phố Westminster, Nam California, khi được ban tổ chức tang lễ mời nói vài lời tiễn biệt tác giả “Mười bài ngợi ca tình yêu,” nhạc sĩ Phạm Duy nhấn mạnh:

“...Hoài Bắc/Phạm Đình Chương mới đích thực là linh hồn của ban Hợp Ca Thăng Long, từ buổi đầu tới phút cuối...”

Những người nghiên cứu về cố nhạc sĩ Phạm Đình Chương cho biết, họ không ngạc nhiên về tính đa dạng của tài năng họ Phạm. Theo những người này thì, nhạc sĩ Phạm Đình Chương không chỉ hấp thụ được tinh hoa văn học, nghệ thuật từ chiếc nôi nghìn năm văn vật Hà Nội mà, ông còn được thừa hưởng thổ ngơi Hà Đông, vùng đất nổi tiếng về tơ tằm, vải lụa của quê cha và, Sơn Tây, đất văn học của quê mẹ.

Lại nữa, ngay từ năm 1945, khi mới 16 tuổi, ông đã gia nhập đoàn văn nghệ kháng chiến, lưu động thuộc liên khu 3 và liên khu 4. Ông đem tiếng hát cùng nhân dân nghệ sĩ của mình đi cùng khắp các dải đất thuộc hai liên khu này...

Ở tất cả những nơi đi qua, với tâm hồn và trái tim như những tờ giấy chạm, ông thấm thấu được hơi thở cá biệt của từng vùng đất qua ca dao, điệu hò... Tất cả những ở lại trong thời thanh, thiếu niên kia, đã là một thứ vốn quý cho sáng tác sau này của ông.

Họ Phạm kể, năm 1951, ông cùng đại gia đình, rời kháng chiến trở về Hà Nội. Gần như ngay sau đó, gia đình ông đã vào hết Saigon.

Tại Saigon, vùng đất mới, với nghệ danh Hoài Bắc, ông đã cùng với một người anh là ca sĩ Hoài Trung, chị là ca sĩ Thái Hằng và, em gái là ca sĩ Thái Thanh, thành lập Ban Hợp Ca Thăng Long.

Sinh thời, họ Phạm cho biết, ông chọn lại hai chữ “Thăng Long” để nhớ thời gian gia đình ông tản cư khỏi Hà Nội, tại địa điểm là Chợ Đại, vùng Việt Bắc, gia đình ông mở một quán nhỏ lấy tên là quán “Thăng Long,” nơi dừng chân của hầu hết văn nghệ sĩ, trí thức trong vùng kháng chiến.

Tác giả “Ra đi khi trời vừa sáng” cho biết thêm, năm 1949, khi chiến tranh lan tràn tới vùng Chợ Đại, gia đình ông phải di chuyển về liên khu 4, do ông tướng nổi tiếng quý trọng văn nghệ sĩ là Tướng Nguyễn Sơn làm tư lệnh. Chính tại vùng trấn nhậm của Tướng Nguyễn Sơn, đám cưới người chị lớn của ông, ca sĩ Thái Hằng và nhạc sĩ Phạm Duy diễn ra, do sự tác hợp và, chủ trì của ông tướng văn nghệ này.

Quán Thăng Long không còn nữa, từ đó. Nhưng hai chữ “Thăng Long” đã trở thành một tên gọi, một biểu tượng đẹp đẽ, được coi là gắn liền với thời đầu trong sáng, ý nghĩa nhất của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Theo cố nghệ sĩ Trần Văn Trạch, (3) một “quái kiệt” của miền Nam, người từng có thời gian đi hát chung với Ban Hợp Ca Thăng Long từ Nam ra Bắc thì, khi Ban Hợp Ca Thăng Long ra đời tại Saigon, ban này đã như một cơn lốc lớn rung chuyển tận gốc nhiều sân khấu miền Nam.

Trong một cuộc xuất hiện ở quận hạt Orange County, giữa thập niên (19)80, hát cho một quán café văn nghệ ở đường số 5th, Santa Ana, họ Trần kể:

“Mỗi xuất hiện của họ (Ban Hợp Ca Thăng Long,) khi ấy là một ‘cơn nóng sốt’ đối với bà con khán giả miền Nam. Cách trình diễn, bài vở họ chọn, ngôn ngữ họ dùng... như một điều gì vừa gọi óc một tò mò, vừa mới mẻ, quyến rũ, lại cũng vừa thân thiết như một vật quý đã mất từ lâu, nay tìm lại được...”

Nghệ sĩ Trần Văn Trạch cũng cho biết, ông vẫn nhớ sự phối hợp rất bắt mắt, duyên dáng, sinh động của Hợp Ca Thăng Long khi họ trình diễn những bài ca như “Ngựa Phi Đường Xa,” “Sáng Rừng,” “Tiếng Dân Chài,” “Được Mùa,” “Ô Mê Ly” Hay “Hò Leo Núi” v.v...

“Nhất là cái tài giả tiếng ngựa hí của ca sĩ Hoài Trung thì bà con không thể nào không mê mẩn được. Chưa kể sau đó, Ban Hợp Ca Thăng Long còn có thêm tiếng hát và tài diễn của nữ ca sĩ Khánh Ngọc, vợ của nhạc sĩ Hoài Bắc nữa...”

Trước những thành công vang dội như thế, kể từ năm 1952, Ban Thăng Long đã được mời đi trình diễn khắp nơi. Lần trình diễn đầu tiên, nhưng cũng là sau cùng của Thăng Long ở giữa thủ đô Hà Nội, nơi sinh trưởng của tài hoa âm nhạc Hoài Bắc/Phạm Đình Chương là năm 1954. Có mặt cùng với Thăng Long là “quái kiệt” Trần Văn Trạch của ban Dân Nam, thời bấy giờ.

Tôi viết, đó là cũng buổi diễn cuối cùng của Hợp Ca Thăng Long trên đất... Thăng Long, vì sau đó, Hiệp Định Geneve chia đôi nước Việt. Và Thăng Long, đã sớm biến thành một Thăng Long khác!

Du Tử Lê

(Thứ Năm, 28 tháng 4, 2011: “Bi kịch và lòng nhân ái trong ca từ Phạm Đình Chương.”)

Chú thích:

(1): Người vợ đầu của cụ Phạm Đình Phụng sinh được hai người con là Phạm Đình Sỹ và Phạm Đình Viêm. Nghệ sĩ Phạm Đình Sỹ có vợ là kịch sĩ Kiều Hạnh là thân phụ của nữ ca sĩ Mai Hương, hiện cư ngụ tại miền Nam California. Riêng ông Phạm Đình Viêm tức ca sĩ Hoài Trung (1920-2002), giọng ca nam của Ban Hợp Ca Thăng Long. Ca sĩ Hoài Trung có tài giả tiếng ngựa hí, đánh lưối, giả tiếng vó ngựa qua ca khúc “Ngựa phi đường xa” của Lê Yên, cùng nhiều “side effect” nhân tạo khác. Ngoài giọng hát mạnh mẽ, truyền cảm của mình, những tài riêng vừa kể của Hoài Trung, đã phần nào góp thêm sự thành công cho Ban Thăng Long.

(2) Tuyển tập “Mười bài ngợi ca tình yêu” do nhà Gìn Vàng Giữ Ngọc xuất bản tại Saigon, với tựa của cố nhà văn Mai Thảo, nhà Hiện Đại tổng phát hành. Không phải do phòng trà “Đêm màu hồng” của cố nhạc sĩ Phạm Đình Chương ấn hành, như một vài tài liệu đã phổ biến.

(3): Ca sĩ Trần Văn Trạch tên thật là Trần Quang Trạch, sinh năm 1924 tại Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Ông nổi tiếng với những ca khúc vui tươi; nhất là bài "Số số kiến thiết quốc gia" trước tháng 4-1975 ở miền Nam. Năm 1977 ông định cư tại Pháp và, mất tại đây, năm 1994.
nguồn tổng hợp online